

Số: /SXD-KTVL

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2026

V/v báo cáo tình hình cung ứng vật
liệu xây dựng thông thường (đá, cát,
đất san lấp) trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7477/UBND-CNXD ngày 30/7/2026 về việc báo cáo tình hình cung ứng vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; qua rà soát, tổng hợp tình hình cấp phép khai thác, năng lực cung ứng và báo cáo nhu cầu sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh, Sở Xây dựng kính báo cáo UBND tỉnh **tình hình cung ứng vật liệu xây dựng thông thường và đề xuất một số giải pháp** bảo đảm nguồn vật liệu phục các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Về quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường:

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹, tổng số mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường là 773 mỏ; gồm: 176 mỏ đá xây dựng; 227 mỏ cát xây dựng; 327 mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp và 20 mỏ đất sét làm gạch ngói; tài nguyên dự báo tương ứng khoảng 300 triệu m³ đá, 50 triệu m³ cát và 350 triệu m³ đất san lấp.

2. Về hiện trạng các mỏ được cấp phép khai thác còn hiệu lực đến thời điểm hiện nay²:

a) Đá xây dựng: Tổng số 45 mỏ, tổng trữ lượng còn lại khoảng 51,60 triệu m³, công suất 3,25 triệu m³/năm. Trong đó:

- Khu vực phía Đông: 27 mỏ, tổng trữ lượng còn lại khoảng 44,50 triệu m³, công suất 2,61 triệu m³/năm.

- Khu vực phía Tây: 18 mỏ, tổng trữ lượng còn lại khoảng 7,10 triệu m³, công suất 0,63 triệu m³/năm (có 5 mỏ đang dừng hoạt động).

b) Cát xây dựng: Tổng số 39 mỏ, tổng trữ lượng còn lại khoảng 3,20 triệu m³, công suất 0,725 triệu m³/năm. Trong đó:

- Khu vực phía Đông: 9 mỏ, tổng trữ lượng còn lại khoảng 2,20 triệu m³, công suất 0,55 triệu m³/năm.

- Khu vực phía Tây: 30 mỏ, tổng trữ lượng còn lại khoảng 1,03 triệu m³, công suất 0,17 triệu m³/năm.

¹ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

² Theo báo cáo số 967/BC-SNNMT ngày 10/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường (có rà soát, cập nhật đến ngày 12/8/2026)

c) Đất san lấp: Tổng số 23 mỏ, tổng trữ lượng còn lại khoảng 18,38 triệu m³, công suất 7,33 triệu m³/năm. Trong đó:

- Khu vực phía Đông: 18 mỏ, tổng trữ lượng còn lại khoảng 10,70 triệu m³, công suất 6,04 triệu m³/năm.

- Khu vực phía Tây: 5 mỏ, tổng trữ lượng còn lại khoảng 7,68 triệu m³, công suất 1,29 triệu m³/năm.

3. Nhu cầu sử dụng trong năm 2026 và giai đoạn 2027-2030³:

a) Năm 2026:

- Đá xây dựng: Khoảng 2,90 triệu m³ (Khu vực phía Đông khoảng 1,95 triệu m³; khu vực phía Tây khoảng 0,95 triệu m³).

- Cát xây dựng: Khoảng 2,40 triệu m³ (Khu vực phía Đông khoảng 1,70 triệu m³; khu vực phía Tây khoảng 0,7 triệu m³)

- Đất san lấp: Khoảng 8,00 triệu m³ (Khu vực phía Đông khoảng 6,50 triệu m³; khu vực phía Tây khoảng 1,50 triệu m³)

b) Giai đoạn 2027 - 2030

- Đá xây dựng: Khoảng 17,20 triệu m³ (Khu vực phía Đông khoảng 12,20 triệu m³; khu vực phía Tây khoảng 4,00 triệu m³).

- Cát xây dựng: Khoảng 13,00 triệu m³ (Khu vực phía Đông khoảng 9,00 triệu m³; khu vực phía Tây khoảng 4,00 triệu m³).

- Đất san lấp: Khoảng 31,00 triệu m³ (Khu vực phía Đông khoảng 22,00 triệu m³; khu vực phía Tây khoảng 9,00 triệu m³).

4. Đánh giá cung - cầu trong năm 2026:

a) Đá xây dựng:

- Khu vực phía Đông tổng công suất được cấp phép khai thác khoảng 2,61 triệu m³, nhu cầu sử dụng khoảng 1,95 triệu m³. Tuy nhiên, một phần sản lượng khoáng sản được khai thác trên địa bàn được **tiêu thụ ngoài tỉnh**, trong khi **năng lực thực tế sản xuất tại một số mỏ chưa đạt theo công suất đã cấp, cự ly vận chuyển không hợp lý**, dẫn đến thiếu hụt cục bộ tại một số thời điểm và khu vực.

- Khu vực phía Tây tổng công suất được cấp phép khai thác khoảng 0,63 triệu m³, nhu cầu sử dụng 0,95 triệu m³, chỉ đáp ứng được 66% nhu cầu. Tuy nhiên, **năng lực thực tế sản xuất tại các mỏ chưa đạt theo công suất đã cấp**, làm thiếu hụt nguồn cung tại khu vực này rất nghiêm trọng, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công và công tác giải ngân các công trình, dự án đầu tư công.

b) Cát xây dựng:

- Khu vực phía Đông tổng công suất được cấp phép khai thác khoảng 0,53 triệu m³, nhu cầu sử dụng khoảng 1,70 triệu m³, chỉ đáp ứng được 31% nhu cầu.

³ Tổng hợp báo cáo từ các sở, ban ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh, SXD đã báo cáo Bộ Xây dựng tại báo cáo số 270/BC-SXD ngày 25/6/2026.

- Khu vực phía Tây tổng công suất được cấp phép khai thác khoảng 0,17 triệu m³, nhu cầu sử dụng 0,70 triệu m³, chỉ đáp ứng được 24% nhu cầu.

c) Đất san lấp:

- Khu vực phía Đông tổng công suất được cấp phép khai thác khoảng 6,04 triệu m³, nhu cầu sử dụng khoảng 6,50 triệu m³, đáp ứng 93% nhu cầu. Tuy nhiên, trong **thực tế vẫn còn thiếu cục bộ ở một số dự án lớn**, trọng điểm như: Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi, Dự án đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi.

- Khu vực phía Tây tổng công suất được cấp phép khai thác khoảng 1,29 triệu m³, nhu cầu sử dụng 1,50 triệu m³, đáp ứng 86% nhu cầu.

Qua số liệu tổng hợp cho thấy, tại khu vực phía Đông nguồn cung đá xây dựng và đất san lấp cơ bản đáp ứng nhu cầu, riêng nguồn cung cát xây dựng còn thiếu nghiêm trọng. Đối với khu vực phía Tây, cả ba loại vật liệu đều thiếu, đặc biệt là đá xây dựng và cát xây dựng đang ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai các công trình, dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư công trọng điểm.

Nhìn chung, xét về tài nguyên khoáng sản, tỉnh vẫn có khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển trong trung và dài hạn. Tuy nhiên, khó khăn, thiếu vật liệu thông thường hiện nay chủ yếu là do **tiến độ hoàn thiện thủ tục cấp phép khai thác, việc đưa các mỏ đã quy hoạch, đã trúng đấu giá vào khai thác và khả năng khai thác thực tế trong ngắn hạn**, đặc biệt đối với cát xây dựng và khu vực phía Tây, đá ở phía đông của tỉnh.

(Có Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo)

5. Nguyên nhân thiếu vật liệu xây dựng thông thường:

- Nhiều dự án giao thông, khu đô thị, khu công nghiệp và công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh triển khai đồng thời, làm nhu cầu vật liệu xây dựng tăng nhanh. Trong khi công tác khảo sát, dự báo và đăng ký nhu cầu vật liệu của một số chủ đầu tư, ban quản lý dự án, địa phương có thời điểm chưa sát thực tế; chưa xác định đầy đủ khối lượng, thời điểm sử dụng, nguồn cung.

- Các đơn vị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản **chậm làm thủ tục cấp phép khai thác**, cụ thể: đá xây dựng 11 mỏ, tổng trữ lượng khoảng 7,2 triệu m³ (Khu vực phía Đông 01 mỏ, khu vực phía Tây 10 mỏ); Cát xây dựng 39 mỏ, tổng trữ lượng khoảng 4,2 triệu m³ (Khu vực phía Đông 6 mỏ, Khu vực phía Tây 33 mỏ); Đất san lấp 14 mỏ, tổng trữ lượng khoảng 16,3 triệu m³ (Khu vực phía Đông 9 mỏ, Khu vực phía Tây 5 mỏ).

- Một số mỏ đá (còn 11 mỏ) khu vực phía Tây **đã thu hồi giấy phép hoặc không gia hạn giấy phép** khai thác khoáng sản (liên quan đến khoản 1 Điều 84 Luật Khoáng sản năm 2010), chưa được xem xét để cấp lại giấy phép khai thác.

- Một số mỏ đã **hết hạn mức khai thác trong năm**, nhất là đá, đất đắp.

- Việc hoàn thiện hồ sơ thăm dò, môi trường, đất đai và các thủ tục liên quan để cấp phép khai thác còn kéo dài; việc bồi thường, thỏa thuận quyền sử dụng đất để tiếp cận khu vực mỏ còn gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, một số doanh nghiệp trúng đấu giá chưa chủ động hoàn thiện hồ sơ theo quy định, dẫn

đến nhiều mỏ đã trúng đấu giá nhưng chưa được cấp phép và đưa vào khai thác.

- Một số công trình ở khu vực không có mỏ vật liệu được quy hoạch, nên không thuận lợi trong việc tiếp cận nguồn vật liệu tại các mỏ đang khai thác; vận chuyển xa.

- Một phần sản lượng khoáng sản được khai thác trên địa bàn được **tiêu thụ ngoài tỉnh**, trong khi năng lực sản xuất chưa đáp ứng nhu cầu trên địa bàn tỉnh, dẫn đến thiếu hụt nguồn cung.

- Sau khi Luật Địa chất và Khoáng sản có hiệu lực, nhiều quy định mới phải chờ hướng dẫn; quá trình áp dụng bước đầu còn phát sinh vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ.

6. Giải pháp và kiến nghị:

Để khắc phục tình trạng thiếu hụt nguồn cung vật liệu xây dựng thông thường, đồng thời chủ động bảo đảm nguồn khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong trung và dài hạn, Sở Xây dựng đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

6.1. Giải pháp cấp bách, ngắn hạn trong năm 2026 (nội dung này Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan):

a) Tập trung tháo gỡ, đưa các mỏ đã có cơ sở pháp lý hoặc đã trúng đấu giá vào khai thác:

- Rà soát, lập danh sách cụ thể các mỏ đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng chưa được cấp phép khai thác; phân loại nguyên nhân chậm triển khai theo từng nhóm thủ tục về thăm dò, môi trường, đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng và các thủ tục có liên quan để xác định rõ trách nhiệm, thời hạn xử lý.

- Đối với các đơn vị trúng đấu giá có đủ điều kiện, yêu cầu khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định để sớm cấp phép và đưa mỏ vào khai thác; đối với các trường hợp chậm triển khai kéo dài, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định thì xem xét xử lý theo thẩm quyền.

- Khẩn trương tham mưu UBND tỉnh cấp phép khai thác đối với 05 mỏ cát đã hoàn thành công tác thăm dò, phục vụ nguồn vật liệu cho Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối từ huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đối với 11 mỏ đá khu vực phía Tây đã bị thu hồi hoặc không được gia hạn giấy phép khai thác, rà soát từng trường hợp, nghiên cứu các quy định hiện hành để tham mưu phương án xử lý phù hợp, tạo điều kiện khôi phục nguồn cung trong trường hợp đủ điều kiện pháp lý.

- Tăng cường cấp phép khai thác đối với các khu vực khoáng sản đủ điều kiện để áp dụng cơ chế đặc thù đối với các công trình, dự án theo quy định.

b) Tăng cường năng lực cung ứng của các mỏ đang hoạt động:

- Rà soát các mỏ đá, cát và đất san lấp đang được cấp phép khai thác nhưng sản lượng thực tế thấp hơn đáng kể so với công suất được cấp phép; xác định nguyên nhân và yêu cầu chủ đầu tư có giải pháp nâng công suất khai thác phù hợp.

- Đối với các mỏ đủ điều kiện theo quy định, nghiên cứu việc điều chỉnh, nâng công suất khai thác hoặc gia hạn giấy phép để bổ sung nguồn cung trong thời gian sớm nhất, nhất là các mỏ có vị trí thuận lợi đối với các công trình, dự án đang có nhu cầu vật liệu lớn.

- **Tăng hạn mức** cho một số mỏ có năng lực khai thác để cung ứng cho các dự án đầu tư công, dự án quan trọng **phạm vi trên địa bàn của tỉnh**.

- Ưu tiên rà soát, kết nối nguồn vật liệu từ các khu vực đang có khả năng cung ứng cho các khu vực thiếu hụt, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, bảo đảm chất lượng và hiệu quả vận chuyển.

c) Ưu tiên bảo đảm vật liệu cho các công trình trọng điểm

- Yêu cầu các chủ đầu tư, ban quản lý dự án rà soát lại nhu cầu vật liệu theo tiến độ thi công thực tế, xác định rõ khối lượng, chủng loại, thời điểm cần vật liệu và nguồn cung dự kiến.

- Đối với các dự án trọng điểm, dự án có khối lượng sử dụng vật liệu lớn, chủ đầu tư phải chủ động lập kế hoạch bảo đảm nguồn vật liệu theo từng giai đoạn thi công, theo dõi khả năng cung ứng của các mỏ, kịp thời điều chỉnh phương án khi có nguy cơ thiếu vật liệu.

- Tập trung tháo gỡ nguồn đất san lấp cho các dự án đang thiếu cục bộ như Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi, Dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, nguồn đá cho Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 676 và các dự án quan trọng khác.

d) Tăng cường theo dõi, điều tiết và kiểm soát nguồn cung, kiểm soát giá:

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các chủ đầu tư và địa phương thường xuyên cập nhật tình hình khai thác, tồn trữ, cung ứng và nhu cầu sử dụng đá, cát, đất san lấp; kiểm soát, công bố giá, niêm yết giá kịp thời, đúng qui định; kịp thời báo cáo UBND tỉnh khi phát sinh nguy cơ thiếu hụt.

6.2. Giải pháp trung và dài hạn giai đoạn 2027 – 2030:

a) Đẩy nhanh đấu giá và đưa các khu vực khoáng sản vào khai thác:

- Tiếp tục tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch được phê duyệt, nhưng phải gắn tiến độ đấu giá với dự báo nhu cầu vật liệu và tiến độ thực hiện các dự án lớn.

- Hạn chế tình trạng “đấu giá xong nhưng chậm đưa mỏ vào khai thác”; trong quá trình tổ chức đấu giá cần đánh giá kỹ khả năng tiếp cận đất đai, điều kiện môi trường, khả năng hoàn thiện thủ tục và năng lực thực hiện của tổ chức, cá nhân tham gia.

- Xây dựng danh mục các khu vực khoáng sản có khả năng đưa vào khai thác trong từng năm, xác định rõ sản lượng dự kiến và khu vực tiêu thụ để chủ động cân đối cung – cầu.

- Đánh giá nhu cầu vật liệu, cập nhật bổ sung qui hoạch các mỏ.

b) Hình thành cơ chế đảm bảo nguồn vật liệu ngay từ giai đoạn chuẩn bị dự án:

Đối với các dự án đầu tư công, dự án trọng điểm và dự án có nhu cầu vật liệu lớn, việc xác định nguồn vật liệu phải được thực hiện ngay từ bước chuẩn bị đầu tư. Hồ sơ dự án cần xác định sơ bộ nhu cầu từng loại vật liệu, nguồn cung dự kiến, cự ly vận chuyển, khả năng cung ứng và phương án thay thế khi nguồn cung chủ yếu gặp khó khăn.

c) Phát triển nguồn vật liệu thay thế, giảm phụ thuộc vào nguồn khoáng sản tự nhiên:

Khuyến khích nghiên cứu, sử dụng cát nghiền thay thế một phần cát tự nhiên trong sản xuất bê tông, vữa và các sản phẩm vật liệu xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; nghiên cứu sử dụng hợp lý các nguồn vật liệu từ đất đào của các công trình, dự án và vật liệu tái chế từ chất thải xây dựng sau khi được xử lý, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và môi trường.

6.3. Phân công trách nhiệm thực hiện:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì tháo gỡ các thủ tục liên quan đến thăm dò, cấp phép khai thác, đất đai và môi trường đối với các mỏ có khả năng đưa vào khai thác.

- Rà soát các mỏ đã trúng đấu giá nhưng chậm triển khai; xác định rõ nguyên nhân, thời hạn xử lý và trách nhiệm của các bên liên quan.

- Tham mưu UBND tỉnh xử lý đối với các trường hợp chậm triển khai kéo dài theo quy định.

- Tham mưu việc điều chỉnh, nâng công suất, gia hạn giấy phép đối với các mỏ đủ điều kiện.

- Tiếp tục chuẩn bị và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch;

- Chủ động chuẩn bị các khu vực khoáng sản đủ điều kiện để áp dụng cơ chế đặc thù đối với các công trình, dự án theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu giải pháp điều tiết, ưu tiên nguồn khoáng sản khai thác trên địa bàn để phục vụ các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, nhất là các công trình, dự án trọng điểm (hầu hết các dự án đầu tư khai thác khoáng sản đều xác định mục tiêu chủ yếu là phục vụ các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh).

b) Sở Xây dựng:

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp, dự báo nhu cầu vật liệu xây dựng theo từng khu vực và từng nhóm dự án.

- Định kỳ đánh giá cân đối cung – cầu đối với đá, cát, đất san lấp; kịp thời tham mưu UBND tỉnh các giải pháp điều tiết khi có nguy cơ thiếu hụt.

- Theo dõi tình hình giá vật liệu xây dựng, chi phí vận chuyển và diễn biến thị trường để tham mưu các giải pháp ổn định nguồn cung, hạn chế biến động giá bất hợp lý.

- Định kỳ rà soát, bổ sung qui hoạch mỏ.

c) Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án:

Xác định nhu cầu vật liệu theo từng giai đoạn thi công ngay từ khi lập và phê duyệt dự án, theo dõi khả năng cung ứng của các mỏ, kịp thời điều chỉnh phương án khi có nguy cơ thiếu vật liệu.

d) UBND các xã, phường, đặc khu:

- Phối hợp chặt chẽ trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đất đai và các thủ tục thuộc thẩm quyền địa phương.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để các mỏ đã được cấp phép sớm triển khai khai thác đúng quy định.

- Kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

(Có dự thảo văn bản UBND tỉnh kèm theo)

Sở Xây dựng kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên nhằm bảo đảm nguồn cung vật liệu xây dựng thông thường, phục vụ các công trình, dự án trên địa bàn, góp phần đẩy nhanh tiến độ dự án trọng điểm, giải ngân vốn đầu tư công và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c BT Tỉnh ủy – TBCĐ các CTTĐ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c PCT UBND tỉnh (b/c);
- Công an tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- VP UBND tỉnh;
- Các BQL DA ĐTXD công trình: Giao thông tỉnh, Dân dụng và công nghiệp tỉnh, Tây Quảng Ngãi;
- GD, Các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KTVL_(VT).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phúc Nhân

Phụ lục 1
Tổng hợp cung - cầu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường
(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVL ngày /8/2026 của Sở Xây dựng)

Loại VL	Khu vực	Số mỏ được cấp phép (mỏ)	Tổng trữ lượng còn lại (triệu m ³)	Tổng CS khai thác 2026 (triệu m ³ /năm)	Nhu cầu sử dụng năm 2026 (triệu m ³)	Khả năng đáp ứng theo công suất được cấp phép năm 2026 (%)
Đá	Toàn tỉnh	45	51,60	3,25	2,90	112%
	KV phía Đông	27	44,50	2,61	1,95	134%
	KV phía Tây	18	7,10	0,63	0,95	66 %
Cát	Toàn tỉnh	39	3,24	0,725	2,40	36%
	KV phía Đông	9	2,20	0,53	1,70	31%
	KV phía Tây	30	1,03	0,17	0,70	24%
Đất san lấp	Toàn tỉnh	23	18,38	7,33	8.0	91%
	KV phía Đông	18	10,70	6,04	6,50	93%
	KV phía Tây	5	7,68	1,28	1,50	86%

Ghi chú: Tỷ lệ khả năng đáp ứng được tính trên cơ sở so sánh tổng công suất khai thác được cấp phép với nhu cầu sử dụng năm 2026; tỷ lệ này chỉ phản ánh khả năng cung ứng theo công suất được cấp phép, không phản ánh hoàn toàn sản lượng khai thác thực tế của các mỏ. Thực tế, một phần sản lượng khoáng sản được khai thác trên địa bàn được tiêu thụ ngoài tỉnh, trong khi năng lực thực tế sản xuất tại một số mỏ chưa đạt theo công suất đã cấp, cự ly vận chuyển không hợp lý, dẫn đến thiếu hụt cục bộ tại một số thời điểm và khu vực